

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 11

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	14 - 46



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0500313811 ngày 16 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được chuyển đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ và cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 024 33 545 735
- Fax : 024 33 542 280

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp hóa chất, khai khoáng;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng các công trình: Thủy điện, thủy lợi, giao thông và bur điện;
 - Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp đến 500 KV; xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp; xây lắp kết cấu công trình;
 - Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
 - Xây dựng và lắp đặt các nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải; xây dựng các nhà máy thủy điện;
- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác cát, sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch: vận tải hàng hóa đường bộ;
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, điện chiếu sáng của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa thông tin và điều khiển của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng lắp ráp: Tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và cho các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm); Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
- ✓ Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai và bia hộp).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Văn Ngự	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014
Ông Phạm Việt Cường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014
Ông Dương Hoài Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2014
Ông Đặng Xuân Thư	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Vũ Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2011
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2017
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 9 năm 2015

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tuấn (bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2018

Số: 2.0144/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2018, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2014-008-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		461.880.739.077	477.219.509.965
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	144.234.948.699	168.376.737.626
1. Tiền	111		58.234.948.699	108.376.737.626
2. Các khoản tương đương tiền	112		86.000.000.000	60.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		550.790.000	12.545.806.365
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	2.222.000.000	14.476.266.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1.671.210.000)	(1.930.459.635)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		259.742.782.221	209.362.018.969
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	214.397.220.985	191.887.085.815
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	19.480.218.096	4.710.508.285
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	13.720.000.000	500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	23.580.716.248	43.814.692.389
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(11.435.373.108)	(31.550.267.520)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		53.635.069.639	85.171.166.517
1. Hàng tồn kho	141	V.8	53.635.069.639	85.171.166.517
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.717.148.518	1.763.780.488
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	150.015.839	59.480.101
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.529.986.447	1.562.337.176
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	37.146.232	141.963.211
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		344.934.200.720	316.400.884.972
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.403.047.793	19.185.963.470
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	5.391.547.793	19.185.963.470
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	11.500.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		93.572.164.823	86.233.978.659
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	83.338.227.823	85.747.358.659
<i>Nguyên giá</i>	222		185.576.963.914	179.138.053.146
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(102.238.736.091)	(93.390.694.487)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	10.233.937.000	486.620.000
<i>Nguyên giá</i>	228		10.233.937.000	486.620.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	245.145.644.720	210.196.893.145
1. Đầu tư vào công ty con	251		245.145.644.720	215.576.994.720
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(5.380.101.575)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		813.343.384	784.049.698
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	813.343.384	784.049.698
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		806.814.939.797	793.620.394.937

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		442.144.282.510	476.050.289.273
I. Nợ ngắn hạn	310		374.445.218.220	422.668.608.238
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	59.481.025.075	53.147.632.432
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	102.456.388.353	43.078.514.531
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	20.760.668.752	13.798.799.951
4. Phải trả người lao động	314		10.582.945.824	11.469.231.813
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	10.949.675.682	15.612.901.456
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		42.500.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	49.089.347.025	85.402.303.898
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	118.358.762.373	193.781.280.215
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18a	1.047.970.920	4.708.562.688
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.675.934.216	1.669.381.254
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		67.699.064.290	53.381.681.035
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	7.985.356.815	7.783.336.738
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	202.250.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	500.000.000	1.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	56.682.744.784	5.662.744.784
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18b	2.530.962.691	38.733.349.513
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		364.670.657.287	317.570.105.664
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	364.670.657.287	317.570.105.664
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.366.527.623	34.366.527.623
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		154.587.970.079	127.652.984.979
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.185.109.585	40.019.543.062
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	40.019.543.062
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		60.185.109.585	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		806.814.939.797	793.620.394.937

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	455.467.928.915	759.606.719.610
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		455.467.928.915	759.606.719.610
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	368.905.571.698	675.446.671.884
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		86.562.357.217	84.160.047.726
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.142.826.096	20.161.340.124
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.581.984.998	6.055.082.527
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.144.766.707	6.107.883.675
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	40.975.149.171	49.346.867.899
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.148.049.144	48.919.437.424
11. Thu nhập khác	31	VI.6	41.006.456.880	12.189.986.424
12. Chi phí khác	32	VI.7	19.045.695.198	2.226.156.222
13. Lợi nhuận khác	40		21.960.761.682	9.963.830.202
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		72.108.810.826	58.883.267.626
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		11.923.701.241	7.310.619.564
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>60.185.109.585</u>	<u>51.572.648.062</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngu

Lê Văn Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		72.108.810.826	58.883.267.626
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	10.482.054.912	11.549.015.857
- Các khoản dự phòng	03		(47.236.222.018)	4.114.859.372
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.170.741.721)	(18.847.177.187)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	12.144.766.707	6.107.883.675
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		34.328.668.706	61.807.849.343
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.202.537.649)	215.025.820
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		31.536.096.878	(38.854.892.394)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		37.720.058.583	(74.177.484.385)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(119.829.424)	(456.195.547)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2a	12.254.266.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.595.669.495)	(5.969.276.285)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(8.501.286.829)	(14.466.132.425)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(1.524.900.000)	(1.436.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		69.894.866.770	(73.337.205.873)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(17.820.241.076)	(2.543.615.353)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		719.090.910	678.831.713
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(150.270.000.000)	(8.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	137.050.000.000	22.012.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(34.976.240.000)	(37.380.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.407.590.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.147.400.811	18.502.684.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(46.742.399.355)	(7.230.099.549)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	300.466.228.290	273.016.058.063
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(324.868.746.132)	(171.619.945.542)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.891.738.500)	(22.983.277.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(47.294.256.342)	78.412.834.871
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(24.141.788.927)	(2.154.470.551)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	168.376.737.626	170.531.208.177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	144.234.948.699	168.376.737.626

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	56,71%	56,71%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	138 Tôn Đức Thắng, Phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	65,10%	65,10%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Glei	Làng Đăk Nhoong, xã Đăk Nhoong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện thương phẩm	100%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời (*)	Số nhà 1N7A, đường Nguyễn Thị Thập, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	95%	80%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(*) Theo thỏa thuận, các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời cam kết sẽ chuyển nhượng nốt số cổ phần còn lại cho Công ty hoặc cho bên khác do Công ty chỉ định và không tham gia vào việc điều hành hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời. Do đó, Công ty xác định tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời là 100%.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hòa Bình	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Nhà Máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 788 cán bộ nhân viên đang làm việc, trong đó lao động thời vụ là 297 (số đầu năm là 1.373 nhân viên, trong đó lao động thời vụ là 836).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

+ Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Giá vốn} \\ \text{kinh doanh dở dang} & = & \text{kinh doanh dở dang} & + & \text{kinh doanh phát sinh} & - & \text{hàng bán} \\ \text{cuối kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trong đó:

$$\text{Giá vốn hàng bán trong kỳ} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ}$$

+ Đối với các công trình khác

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \\ \text{đỡ dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{đỡ dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí} \\ \text{(nếu có)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Lãi vay} \\ \text{ước tính} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị công trình hoàn thành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	445.770.036	1.069.111.097
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	57.789.178.663	107.307.626.529
Các khoản tương đương tiền	86.000.000.000	60.000.000.000
<i>Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>		
Cộng	<u>144.234.948.699</u>	<u>168.376.737.626</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	425.000.000			5.952.000.000		(267.701.635)
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	125.790.000	(1.671.210.000)	1.797.000.000	179.700.000	(1.617.300.000)
Ngân hàng TMCP Quân đội				6.727.266.000	6.681.808.000	(45.458.000)
Cộng	<u>2.222.000.000</u>		<u>(1.671.210.000)</u>	<u>14.476.266.000</u>		<u>(1.930.459.635)</u>

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7: giảm do bán 552.700 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 5.527.000.000 VND
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội: giảm do bán 477.270 cổ phiếu.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.930.459.635)	(6.231.091.635)
Trích lập dự phòng bổ sung	(53.910.000)	(99.368.000)
Hoàn nhập dự phòng	313.159.635	1.127.266.000
Sử dụng dự phòng		3.272.734.000
Số cuối năm	<u>(1.671.210.000)</u>	<u>(1.930.459.635)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long ⁽ⁱ⁾	47.381.773.480		47.381.773.480	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông ⁽ⁱⁱ⁾	57.250.000.000		57.250.000.000	(1.915.824.859)
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	35.594.689.000		35.594.689.000	(3.464.276.716)
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ ^(iv)	66.942.942.240		72.350.532.240	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gleì ^(v)	20.774.000.000		3.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời ^(vi)	17.202.240.000			
Cộng	245.145.644.720		215.576.994.720	(5.380.101.575)

- (i) Trong năm 2013, Công ty hoàn thành sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và tổ chức lại thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0106408857 ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long là 50 tỷ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông 56.000.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.600.000 cổ phiếu, tương đương 70% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông.
- (iii) Trong năm 2015 Công ty đã mua 3.548.576 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn với giá mua là 35.594.689.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.548.576 cổ phiếu, tương đương 56,71% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn.
- (iv) Trong năm 2015 Công ty đã mua 5.407.590 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ với giá mua là 72.350.532.240 VND. Trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nhận được cổ tức năm 2014 số tiền 5.407.590.000 VND, là cổ tức trước khi khoản đầu tư được mua, được hạch toán giảm giá trị của khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.407.590 cổ phiếu, tương đương 65,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101207604, ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gleì do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gleì 42.250.000.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 17.774.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 20.774.000.000 VND tương đương 31,96% vốn điều lệ (số đầu năm là 3.000.000.000 VND, tương đương 4,61% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gleì là 21.476.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (vi) Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và quyền góp vốn với các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời để sở hữu 57.000.000 cổ phiếu (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty này, trong đó cổ phiếu hiện có là 1.086.000 cổ phiếu và quyền góp vốn tương ứng với 55.914.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã thanh toán tiền chuyển nhượng 868.800 cổ phiếu, tương đương 80% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời.

Giá trị hợp lý

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glai có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính là 63.268.803.000 VND. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glai và Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(5.380.101.575)	(8.419.819.770)
Trích lập dự phòng bổ sung		(1.915.824.859)
Hoàn nhập dự phòng	5.380.101.575	4.955.543.054
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>(5.380.101.575)</u>

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông (To Buông)		
Cho To Buông vay	144.670.000.000	500.000.000
Thu tiền gốc vay	134.550.000.000	
Trả tiền gốc vay		4.000.000.000
Góp vốn điều lệ bằng tiền		34.380.000.000
Doanh thu hoạt động xây dựng	33.015.304.581	25.994.653.399
Lãi vay To Buông phải trả	1.430.790.210	
Bán vật tư cho To Buông	12.180.000	
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long		
<i>Giao dịch bán hàng</i>		
Doanh thu bán vật tư, thu phí tiếp địa, bảo hiểm	3.154.204.133	2.216.851.364
Doanh thu cước vận chuyển bị cắt giảm		(304.327.818)
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	292.837.632	544.051.006
<i>Giao dịch mua hàng</i>		
Chi phí xây lắp hoàn thành	26.277.067.313	104.899.099.951
Mua trụ sở của Sông Đà 11 - Thăng Long	14.090.909.091	
Chi phí mua máy kéo, máy băm	2.319.554.232	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Giao dịch khác</i>		
Cổ tức được chia		16.886.679.000
Cho vay	2.250.000.000	
Thu tiền gốc vay	1.500.000.000	
Lãi vay phải trả	63.394.167	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa (Đăk Đoa)		
Cho Đăk Đoa vay vốn lưu động		8.000.000.000
Thu hồi tiền cho vay		22.012.000.000
Lãi cho vay		608.045.178
Vay Đăk Đoa	32.478.906.943	
Trả tiền vay cho Đăk Đoa	12.300.000.000	
Lãi vay phải trả Đăk Đoa	918.144.290	
Nhận cổ tức trước ngày đầu tư	5.407.590.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei		
Góp vốn điều lệ bằng tiền	17.774.000.000	3.000.000.000
Cho Đăk Glei vay	1.000.000.000	
Lãi vay phải thu Đăk Glei	47.916.666	
Bán vật tư, bảo hộ lao động	10.114.000	
Công ty CP Đầu tư Điện Mặt Trời		
Cho Điện Mặt Trời vay	1.350.000.000	
3. Phải thu của khách hàng		
3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	83.514.764.151	92.493.823.542
Tổng Công ty Sông Đà	67.524.678.776	87.265.346.180
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	15.931.043.309	5.228.477.362
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei	59.042.066	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	130.882.456.834	99.393.262.273
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1	5.792.458.830	9.575.822.285
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	33.299.579.856	8.247.258.373
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	12.924.168.413	7.873.278.985
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	29.926.401.434	5.544.137.066
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị điện Hà Nội	2.440.279.094	14.596.707.858
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7		6.536.051.748
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	9.622.165.225	4.943.275.697
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He		1.326.185.000
Công ty Điện lực Hưng Yên	7.979.055.009	
Các khách hàng khác	28.898.348.973	40.750.545.261
Cộng	<u>214.397.220.985</u>	<u>191.887.085.815</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	5.391.547.793	9.388.064.477
Tổng Công ty Sông Đà	5.391.547.793	9.388.064.477
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		9.797.898.993
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc		1.936.348.136
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung		3.078.934.209
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đrink		4.782.616.648
Cộng	5.391.547.793	19.185.963.470

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	17.156.734.401	1.283.814.716
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	17.156.734.401	1.283.814.716
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2.323.483.695	3.426.693.569
Công ty TNHH MTV Hùng Việt Phát Na	318.982.700	1.410.508.447
Các nhà cung cấp khác	2.004.500.995	2.016.185.122
Cộng	19.480.218.096	4.710.508.285

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	13.720.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông ⁽ⁱ⁾	10.620.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Gle ⁽ⁱⁱ⁾	1.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	750.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời ^(iv)	1.350.000.000	
Cộng	13.720.000.000	500.000.000

(i) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông (là công ty con) vay với lãi suất 7,6%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

(ii) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Gle (là công ty con) vay với lãi suất 6%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

(iii) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long (là công ty con) vay với lãi suất 6,35%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

(iv) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Điện Mặt trời (là công ty con) vay với lãi suất 6,35%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.898.738.592		7.763.867.188	
Công ty TNHH MTV Sông Đà				
11 Thăng Long	1.698.738.592		7.092.116.295	
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời	200.000.000			
Tổng công ty Sông Đà			671.750.893	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	21.681.977.656		36.050.825.201	(695.750.000)
Tạm ứng	12.818.817.120		19.161.822.353	
Phải thu của CBCNV	620.389.811		791.188.056	
Phải thu các đội công trình	880.283.963		237.602.788	
Tiền cổ tức phải thu			695.750.000	(695.750.000)
Phải thu tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	2.866.055.492		12.586.018.544	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	219.850.424		267.337.754	
Ký cược, ký quỹ	2.427.282.745		1.791.291.714	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.849.298.101		519.813.992	
Cộng	23.580.716.248		43.814.692.389	(695.750.000)

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		16.133.651.691	10.462.551.511	8.171.593.096	2.228.262.186
Tổng Công ty Sông Đà		16.133.651.691	10.462.551.511	8.171.593.096	2.228.262.186
	Dưới 1 năm	14.946.502.158	10.462.551.511		
	Từ 2 - 3 năm			7.427.540.619	2.228.262.186
	Trên 3 năm	1.187.149.533		744.052.477	
Các tổ chức và cá nhân khác		13.352.497.832	7.588.224.904	29.198.723.831	3.591.787.221
Công ty Cổ phần Cơ khí và thiết bị điện Hà Nội	Trên 3 năm			12.156.428.764	
Công ty Cổ phần năng lượng Sơn Vũ	Trên 3 năm			3.645.678.449	
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	Từ 1 - 2 năm			1.965.249.110	982.624.555
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	Dưới 1 năm và từ 2 - 3 năm	9.622.165.225	4.110.445.824	3.976.188.479	1.192.856.543

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
BQL DA phát triển điện lực	Dưới 1 năm và từ 1- 2 năm	3.436.963.736	1.988.476.085		
Các tổ chức và cá nhân khác		293.368.871	40.815.344	7.455.179.029	1.416.306.123
Cộng		29.486.149.523	18.050.776.415	37.370.316.927	5.820.049.407

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(31.550.267.520)	(24.490.623.982)
Trích lập dự phòng bổ sung	(7.403.668.625)	(14.404.192.342)
Hoàn nhập dự phòng	9.137.560.843	7.344.548.804
Giảm do xóa nợ	18.381.002.194	
Số cuối năm	(11.435.373.108)	(31.550.267.520)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.093.108.118		15.658.626.941	
Công cụ, dụng cụ	1.132.678.071		1.279.912.033	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.409.283.450		68.232.627.543	
Cộng	53.635.069.639		85.171.166.517	

9. Chi phí trả trước ngắn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí Công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà làm việc	175.444.394	
Tiền khoan phun hầm dẫn	282.848.623	707.121.547
Công cụ dụng cụ	355.050.367	76.928.151
Cộng	813.343.384	784.049.698

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	81.815.761.861	76.283.258.516	20.217.588.660	821.444.109	179.138.053.146
Mua trong năm	4.985.364.091	2.944.832.712		142.727.273	8.072.924.076
Phân loại lại	(135.083.269)	135.083.269			
Thanh lý, nhượng bán		-	(1.634.013.308)		(1.634.013.308)
Số cuối năm	86.666.042.683	79.363.174.497	18.583.575.352	964.171.382	185.576.963.914

Trong đó:

Đã khấu hao hết
nhưng vẫn còn sử
dụng

584.414.189	17.602.649.744	14.668.408.589	548.420.909	33.403.893.431
-------------	----------------	----------------	-------------	----------------

Chờ thanh lý

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	30.869.667.015	43.371.709.735	18.597.099.963	552.217.774	93.390.694.487
Khấu hao trong năm	3.723.861.070	5.911.956.369	720.448.996	125.788.477	10.482.054.912
Phân loại lại	(101.312.419)	101.312.419			
Thanh lý, nhượng bán			(1.634.013.308)		(1,634,013,308)
Số cuối năm	34.492.215.666	49.384.978.523	17.683.535.651	678.006.251	102.238.736.091

Giá trị còn lại

Số đầu năm	50.946.094.846	32.911.548.781	1.620.488.697	269.226.335	85.747.358.659
Số cuối năm	52.173.827.017	29.978.195.974	900.039.701	286.165.131	83.338.227.823

Trong đó:

Tạm thời chưa sử
dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định có giá trị còn lại là 67.718.816.419 VND đang được thế chấp cho các khoản vay trung và dài hạn tại các ngân hàng.

11. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất không thời hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>20.695.446.113</i>	<i>1.877.027.469</i>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	20.460.380.080	1.877.027.469
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	235.066.033	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>38.785.578.962</i>	<i>51.270.604.963</i>
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	2.581.017.120	6.826.908.628
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	391.907.412	4.558.568.554
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	910.299.347	3.790.357.494
Công ty Cổ phần Thành Long	4.633.508.030	5.223.112.593
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.116.794.742	
Các nhà cung cấp khác	27.152.052.311	30.871.657.694
Cộng	<u>59.481.025.075</u>	<u>53.147.632.432</u>

12b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>7.985.356.815</i>	<i>7.783.336.738</i>
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương	607.934.880	1.607.934.880
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	1.955.853.524	1.303.902.350
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	1.958.667.410	1.307.628.514
Công ty Cổ phần Thành Long		899.257.502
Công ty TNHH Hùng Hiệp		
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hanaka	1.444.875.265	
Công ty TNHH Cấp điện lực Kevil Việt Nam	1.444.875.247	
Các nhà cung cấp khác	573.150.488	2.664.613.492
Cộng	<u>7.985.356.815</u>	<u>7.783.336.738</u>

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>59.627.483.512</i>	<i>5.384.718.210</i>
Tổng Công ty Sông Đà	18.309.740.370	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long		5.384.718.210
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gleì	41.317.743.142	
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>42.828.904.841</i>	<i>37.693.796.321</i>
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	22.290.215.263	14.320.067.554
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	1.311.310.966	13.960.187.719
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung	17.000.000.000	1.592.760.354
Công ty TNHH Xây dựng Hòa An		5.000.000.000
Các khách hàng khác	2.227.378.612	2.820.780.694
Cộng	<u>102.456.388.353</u>	<u>43.078.514.531</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phân loại lại (*)	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.047.950.981		28.026.476.868	(24.478.325.914)		7.596.101.935	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			45.654.900	(45.654.900)			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.252.973.391		11.923.701.241	(8.501.286.829)		10.675.387.803	
Thuế thu nhập cá nhân	2.017.752.574	141.963.211	1.142.335.505	(1.108.109.052)	(1.847.065.626)	100.096.422	37.146.232
Thuế tài nguyên	253.824.265		2.432.510.438	(2.355.749.295)		330.585.408	
Thuế bảo vệ môi trường	151.916.720		329.693.199	(414.405.359)		67.204.560	
Các loại thuế khác			6.000.000	(6.000.000)			
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	74.382.020		2.531.735.981	(614.825.377)		1.991.292.624	
Cộng	13.798.799.951	141.963.211	46.438.108.132	(37.524.356.726)	(1.847.065.626)	20.760.668.752	37.146.232

(*) Phân loại lại khoản tạm tính thuế thu nhập cá nhân phát sinh tại Lào

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 04 năm kể từ năm 2012 đến năm 2015 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2023)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.108.810.826	58.883.267.626
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	155.837.929	2.213.485.957
- Các khoản điều chỉnh tăng	505.837.929	2.213.485.957
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(350.000.000)</u>	
Thu nhập chịu thuế	72.264.648.755	61.096.753.583
Thu nhập được miễn thuế	<u>(7.092.591.200)</u>	<u>(16.886.679.000)</u>
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	65.172.057.555	44.210.074.583
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	13.034.411.511	8.842.014.917
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.567.488.441)	(1.589.041.527)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	456.778.171	57.646.174
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>11.923.701.241</u>	<u>7.310.619.564</u>

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp của từng hoạt động trong năm nay như sau:

	<u>Các hoạt động khác</u>	<u>Nhà máy thủy điện Thác Trắng</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.433.926.415	15.674.884.411	72.108.810.826
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	155.837.929	-	155.837.929
- Các khoản điều chỉnh tăng	505.837.929	-	505.837.929
<i>Tiền phạt thuế, BHXH</i>	<i>361.569.194</i>		<i>361.569.194</i>
<i>Thù lao HĐQT không điều hành</i>	<i>96.000.000</i>		<i>96.000.000</i>
<i>Xử lý vật tư mất</i>	<i>48.268.735</i>		<i>48.268.735</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(350.000.000)</u>	-	<u>(350.000.000)</u>
<i>Chi phí trích trước đã có hồ sơ</i>	<i>(350.000.000)</i>		<i>(350.000.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	56.589.764.344	15.674.884.411	72.264.648.755
Thu nhập được miễn thuế	<u>(7.092.591.200)</u>		<u>(7.092.591.200)</u>
Thu nhập tính thuế	49.497.173.144	15.674.884.411	65.172.057.555
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	9.899.434.629	3.134.976.882	13.034.411.511
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.567.488.441)	(1.567.488.441)	(1.567.488.441)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	456.778.171		456.778.171
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>10.356.212.800</u>	<u>1.567.488.441</u>	<u>11.923.701.241</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 10% giá tính thuế đơn vị tài nguyên (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ; cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 5% giá tính thuế đơn vị tài nguyên (x) sản lượng điện tiêu thụ trong kỳ. Giá tính thuế đơn vị tài nguyên nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) ban hành cho từng thời kỳ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>10.949.675.682</i>	<i>15.612.901.456</i>
Trích trước chi phí các công trình	10.137.744.878	15.350.067.864
Chi phí lãi vay phải trả	811.930.804	262.833.592
Cộng	<u>10.949.675.682</u>	<u>15.612.901.456</u>

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	389.871.623	109.412.351
Kinh phí công đoàn	402.680.645	521.042.551
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	598.594.423	11.937.227.923
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	425.000.000	2.022.500.000
Phải trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng		918.260.306
Phải trả các đội tiền khoán công trình	28.095.422.794	36.224.084.227
BQL DA các công trình điện Miền Trung (Công trình đường dây 500 KV Mỹ Phước Cầu Bông)		2.638.153.035
Công ty Cổ phần Lắp máy và XD điện (IEC) (Công trình đường dây 500 KV Bắc Ninh 2 Phố nổi)		8.841.090.028
BQL DA các công trình điện Miền Bắc	14.137.418.337	8.936.394.202
Tổng công ty Phát triển Đường cao tốc Việt Nam (Công trình đường dây 500KV Đà Nẵng - Quảng Ngãi)		7.870.932.623
Phải trả khác	5.040.359.203	4.883.206.652
Cộng	<u>49.089.347.025</u>	<u>85.402.303.898</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	500.000.000	1.000.000.000
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	500.000.000	500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược		500.000.000
Cộng	<u>500.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	20.178.906.943	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ ⁽ⁱ⁾	20.178.906.943	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng⁽ⁱⁱ⁾</i>	92.439.855.430	190.181.280.215
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	3.965.167.846	47.415.447.896
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	49.607.699.898	42.900.706.567
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	38.866.987.686	99.865.125.752
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	5.740.000.000	3.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	2.280.000.000	2.280.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà	1.320.000.000	1.320.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	940.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	1.200.000.000	
Cộng	<u>118.358.762.373</u>	<u>193.781.280.215</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,3%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Các khoản vay Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	190.181.280.215	210.987.321.347		(308.728.746.132)	92.439.855.430
Vay ngắn hạn các tổ chức khác		32.478.906.943		(12.300.000.000)	20.178.906.943
Vay dài hạn đến hạn trả	3.600.000.000		5.740.000.000	(3.600.000.000)	5.740.000.000
Cộng	193.781.280.215	243.466.228.290	5.740.000.000	(324.628.746.132)	118.358.762.373

17b. Vay dài hạn

Là các khoản vay dài hạn ngân hàng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱ⁾	782.882.087	3.062.882.087
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà ⁽ⁱⁱ⁾	1.279.862.697	2.599.862.697
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	46.220.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ ^(iv)	8.400.000.000	
Cộng	56.682.744.784	5.662.744.784

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng Tín dụng theo dự án đầu tư số 36/16/NHNT ngày 28 tháng 12 năm 2016 với lãi suất cố định 7,6%/năm áp dụng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để hoàn vốn một phần chi phí đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Tráng (6MW). Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp Công trình Nhà máy Thủy điện Thác Tráng, kể cả nhưng không bị giới hạn bởi đập, cửa lấy nước, hầm dẫn nước, tháp điều áp, nhà máy, kênh xả, khu nhà quản lý vận hành, trạm biến áp, trạm cắt và đường dây 35Kv, đường giao thông và các công cụ, máy móc, thiết bị gắn liền với Nhà máy thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Sông Đà 11, theo Hợp đồng thế chấp Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 36/16/NHNT ngày 28 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng Tín dụng số 1400LAV201701034/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2017 với lãi suất thả nổi có điều chỉnh được trả vào ngày 20 hàng tháng. Thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để bù đắp một phần chi phí đã bỏ ra để mua trụ sở làm việc tại vị trí BT03 vị trí 24 khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 20 tháng 02 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất tại địa chỉ BT03 - VT24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, theo Hợp đồng thế chấp ngày 10 tháng 8 năm 2017.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	5.740.000.000	3.600.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	27.477.744.784	5.662.744.784
Trên 5 năm	29.205.000.000	
Cộng	<u>62.422.744.784</u>	<u>9.262.744.784</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.662.744.784	9.262.744.784
Số tiền vay phát sinh	57.000.000.000	
Số tiền vay đã trả	(240.000.000)	
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(5.740.000.000)	(3.600.000.000)
Số cuối năm	<u>56.682.744.784</u>	<u>5.662.744.784</u>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả

18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	4.708.562.688
Tăng do kết chuyển	1.047.970.920
Số hoàn nhập	(4.708.562.688)
Số cuối năm	<u>1.047.970.920</u>

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	38.733.349.513
Tăng do trích lập	383.256.488
Số hoàn nhập	(35.537.672.390)
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(1.047.970.920)
Số cuối năm	<u>2.530.962.691</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	689.597.117	515.726.481	(193.400.000)	1.011.923.598
Quỹ phúc lợi	979.784.137	515.726.481	(831.500.000)	664.010.618
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		500.000.000	(500.000.000)	-
Cộng	1.669.381.254	1.531.452.962	(1.524.900.000)	1.675.934.216

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	67.247.066.956	85.726.661.247	302.871.305.826
Lợi nhuận trong năm trước				51.572.648.062	51.572.648.062
Trích lập các quỹ			60.405.918.023	(62.620.451.247)	(2.214.533.224)
Chia cổ tức năm trước				(34.659.315.000)	(34.659.315.000)
Số dư cuối năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	127.652.984.979	40.019.543.062	317.570.105.664
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	127.652.984.979	40.019.543.062	317.570.105.664
Lợi nhuận trong năm				60.185.109.585	60.185.109.585
Trích lập các quỹ			26.934.985.100	(28.466.438.062)	(1.531.452.962)
Chia cổ tức				(11.553.105.000)	(11.553.105.000)
Số dư cuối năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	154.587.970.079	60.185.109.585	364.670.657.287

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	34.366.527.623	34.366.527.623
Cộng	149.897.577.623	149.897.577.623

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	: 23.106.210.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 26.934.985.100
• Trích quỹ khen thưởng	: 515.726.481
• Trích quỹ phúc lợi	: 515.726.481
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành công ty	: 500.000.000

Theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 12 năm 2016, Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ là 10% cho các cổ đông hiện hữu theo danh sách chốt ngày 26 tháng 12 năm 2016, ngày thanh toán là ngày 06 tháng 01 năm 2017. Ngày 25 tháng 8 năm 2017, Công ty chi trả cổ tức đợt 2 bằng tiền với tỷ lệ là 10% cho các cổ đông hiện hữu theo danh sách chốt ngày 08 tháng 08 năm 2017.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 88,76 USD (số đầu năm là 95,76 USD).

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị Điện Hà Nội	12.156.428.764		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Linh Linh	1.261.738.423		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	4.964.566.437		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>19.708.918.624</u>		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	25.861.160.202	26.144.345.877
Doanh thu hợp đồng xây dựng	406.105.656.008	710.415.997.375
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	23.501.112.705	23.046.376.358
Cộng	<u>455.467.928.915</u>	<u>759.606.719.610</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>		
Doanh thu xây lắp thực hiện		354.620.896.715

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện thương phẩm	8.127.458.427	8.171.241.268
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	343.783.912.886	640.680.900.555
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	16.994.200.385	26.594.530.061
Cộng	<u>368.905.571.698</u>	<u>675.446.671.884</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.864.554.926	1.240.044.268
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	43.415.751	192.092.956
Lãi tiền cho vay	1.721.774.685	375.960.823
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.865.321.200	16.886.679.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.736.675	4.983.731
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	1.160.646.500	
Phí ủy thác đầu tư	159.750.000	
Phí bảo lãnh	325.626.359	1.461.579.346
Cộng	<u>14.142.826.096</u>	<u>20.161.340.124</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	12.144.766.707	6.107.883.675
Phí bảo lãnh	2.984.834.215	3.912.206.061
Phí cam kết tín dụng	70.339.535	102.608.986
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(5.639.351.210)	(4.067.616.195)
Chi phí tài chính khác	21.395.751	
Cộng	<u>9.581.984.998</u>	<u>6.055.082.527</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	25.830.889.657	25.506.871.931
Chi phí vật liệu quản lý	1.891.557.612	1.991.454.200
Chi phí đồ dùng văn phòng	766.576.703	344.799.393
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.019.265.882	1.913.526.641
Thuế, phí và lệ phí	308.054.835	536.828.289
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.733.892.218)	7.059.643.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.190.393.352	4.322.235.313
Các chi phí khác	8.281.140.066	7.671.508.594
Cộng	<u>40.975.149.171</u>	<u>49.346.867.899</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	719.090.910	344.493.096
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	40.246.235.078	11.747.308.623
Thu nhập khác	41.130.892	98.184.705
Cộng	<u>41.006.456.880</u>	<u>12.189.986.424</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	361.569.194	1.937.250.411
Giá trị công trình bị cắt giảm khi quyết toán	18.309.740.370	
Xử lý vật tư bị mất	48.268.735	96.331.309
Chi phí khác	326.116.899	192.574.502
Cộng	<u>19.045.695.198</u>	<u>2.226.156.222</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.089.389.043	251.847.219.551
Chi phí nhân công	156.173.015.255	170.718.950.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.639.055.851	11.549.015.857
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.201.275.523	234.487.995.645
Chi phí khác	20.954.641.104	83.717.830.084
Cộng	<u>386.057.376.776</u>	<u>752.321.011.971</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	2.461.126.364	2.352.261.590
Thù lao	192.000.000	96.000.000
Cộng	<u>2.653.126.364</u>	<u>2.448.261.590</u>

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Sông Đà	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời	Công ty con
Các công ty con của Tổng công ty Sông Đà	Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng công ty Sông Đà</i>		
Chi phí dịch vụ		519.673.643
Tiền lãi vay phải trả		19.512.411
Tiền thuê tài sản trên đất		160.000.000
Mua tài sản của Tổng công ty Sông Đà	1.604.545.455	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.12 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	406.105.656.008	49.362.272.907	455.467.928.915
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>406.105.656.008</u>	<u>49.362.272.907</u>	<u>455.467.928.915</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	62.321.743.122	24.422.397.501	86.562.357.217
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(40.975.149.171)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			45.587.208.046
Doanh thu hoạt động tài chính			14.142.826.096
Chi phí tài chính			(9.581.984.998)
Thu nhập khác			41.006.456.880
Chi phí khác			(19.045.695.198)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(11.923.701.241)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>60.185.109.585</u>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	<u>8.483.830.044</u>	<u>1.031.212.266</u>	<u>9.515.042.310</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>(10.383.886.594)</u>	<u>(1.262.164.750)</u>	<u>(11.646.051.344)</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>			
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	710.415.997.375	49.190.722.235	759.606.719.610
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>710.415.997.375</u>	<u>49.190.722.235</u>	<u>759.606.719.610</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>69.735.096.820</u>	<u>14.424.950.906</u>	84.160.047.726
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			<u>(49.346.867.899)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			34.813.179.827
Doanh thu hoạt động tài chính			20.161.340.124
Chi phí tài chính			<u>(6.055.082.527)</u>
Thu nhập khác			12.189.986.424
Chi phí khác			<u>(2.226.156.222)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			<u>(7.310.619.564)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			<u>51.572.648.062</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>32.448.095.507</u>	<u>2.246.775.494</u>	<u>34.694.871.001</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>7.171.803.549</u>	<u>3.921.016.761</u>	<u>11.092.820.310</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<u>14.509.267.633</u>	<u>457.169.421</u>	<u>14.966.437.054</u>
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	341.667.390.178	48.068.317.273	389.735.707.451
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>417.079.232.346</u>
<i>Tổng tài sản</i>			<u>806.814.939.797</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	235.419.730.394	339.430.383	235.759.160.777
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			206.385.121.733
Tổng nợ phải trả			442.144.282.510
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	309.710.456.439	47.413.471.797	357.123.928.236
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			436.496.466.701
Tổng tài sản			793.620.394.937
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	214.238.256.827	35.430.594.429	249.668.851.256
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			226.381.438.017
Tổng nợ phải trả			476.050.289.273

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực trong nước	455.467.928.915	416.290.447.784
Khu vực nước ngoài	-	343.316.271.826
Cộng	455.467.928.915	759.606.719.610

3. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Lê Văn Tuấn